

Bản án số: 104/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2024

“V/v ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phan Công Rô.

2- Bà Đoàn Hồng Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang:** Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 188/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh ngày 01/01/1983 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh ngày 01/01/1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Thanh A kết hôn với nhau năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh A quản lý toàn bộ tiền bạc và chi xài trong gia đình, thậm chí còn ghen tuông và đánh đập chị, làm cho hạnh phúc không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 1014 cho

đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh A.

Về con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 16/02/2002, Nguyễn Quốc K, sinh ngày 19/7/2003 và Nguyễn Thị Như M, sinh ngày 06/7/2011, hiện nay các con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Thị Như M và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Còn Nguyễn Thanh N và Nguyễn Quốc K đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh A trình bày như sau: Anh thừa nhận về quan hệ hôn nhân và con cái, tài sản, nợ chung là đúng như chị L trình bày nêu trên. Nhưng còn mâu thuẫn là do chị L quen biết tình cảm với người đàn ông khác nên anh có ghen tuông và đánh chị L. Trong quá trình chung sống bản thân anh ở rể và làm ăn lo cho cuộc sống gia đình cha mẹ vợ.

Theo yêu cầu của chị L thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị L.

Về con chung: Nếu Tòa xử cho ly hôn thì anh yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Thị Như M, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai.

Khi ly hôn thì anh yêu cầu mẹ vợ là bà Ngô Thị H trả cho anh số tài sản đã mượn của anh gồm: Vàng cưới sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, tấm lắc 03 chỉ vàng 24k, đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k; vàng của cá nhân anh là sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, 01chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24k và số vàng anh mua cho chị L sau này sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k, đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra năm 2003 và 2004, anh có thuê ruộng làm sau khi thu hoạch trừ chi phí còn lại mẹ vợ anh là bà H mượn hết tổng cộng là 08 tấn lúa và mượn một con heo nái, 10 con heo con và 01 con heo lứa 50kg.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ngô Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh A.

Về con chung: Chị Ngô Thị L yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Thị Như M và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Còn Nguyễn Thanh N và Nguyễn Quốc K đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị L xử cho chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Thanh A được ly hôn.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị L xử giao cháu Nguyễn Thị Như M, sinh ngày 06/7/2011 (theo nguyện vọng của cháu M) cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Ngô Thị Lúi và anh Nguyễn Thanh An thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Thanh A yêu cầu mẹ vợ là bà Ngô Thị H trả cho anh số tài sản đã mượn của anh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh A để làm đơn yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật nhưng anh A không thực hiện nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Nguyễn Thanh A được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh A.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Thanh A kết hôn với nhau năm 2001 và có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị L và anh A là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi nhau, thậm chí anh An còn đánh đập chị L làm cho hạnh phúc

gia đình không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến nay, trong thời gian vợ chồng ly thân anh chị và gia đình cũng không tự hoà giải với nhau được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị L xử cho chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Thanh A ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Thanh A có 03 người con tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 16/02/2002, Nguyễn Quốc K, sinh ngày 19/7/2003 và Nguyễn Thị Như M, sinh ngày 06/7/2011, khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con Nguyễn Thị Như M và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Nguyễn Thanh N, Nguyễn Quốc K đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy yêu cầu của chị Ngô Thị L là có cơ sở. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay thì chị L người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, cuộc sống của cháu hiện M cũng ổn định, đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu M và chị L cũng có điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, xử giao cháu Nguyễn Thị Như M cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Thanh A thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Thanh A yêu cầu mẹ vợ là bà Ngô Thị H phải trả cho anh số tài sản đã mượn của anh gồm: Vàng cưới sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, tám lắc 03 chỉ vàng 24k, đôi bong tai 01 chỉ vàng 24k và vàng của anh sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, 01chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24k và số vàng anh mua cho chị L sau này sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k, đôi bong tai 01 chỉ vàng 24k và 08 tấn lúa, 01 con heo nái, 10 con heo con và 01 con heo lứa 50kg. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh A để làm đơn yêu cầu khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nhưng anh A không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này anh A có yêu cầu khởi kiện thì được giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Thanh A ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thị Như M, sinh ngày 06/7/2011 (theo nguyện vọng của cháu M) cho chị Ngô Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 16/02/2002, Nguyễn Quốc K, sinh ngày 19/7/2003 đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh A có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị L và anh A có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Thanh A thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Thanh A yêu cầu bà Ngô Thị H phải trả cho anh số tài sản đã mượn của anh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh A để làm đơn yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật nhưng anh A không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này anh A có yêu cầu khởi kiện thì được giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0003217 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị L biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/9//2024). Đối với anh A vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm